

Bản án số: 19/2024/KDTM-PT  
Ngày 25-4-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Chum.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Công Lực;

Ông Nguyễn Đức Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 04/2024/TLPT-KDTM ngày 24/01/2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 51/2023/KDTM-ST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 18/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-PT ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B; địa chỉ: số M, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** bà V, sinh năm 1977; chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH K Việt Nam; địa chỉ: đường N, lô T, cụm Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** ông T, sinh năm 1970; địa chỉ: số K, đường N, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023).

**- Người kháng cáo:** bị đơn Công ty TNHH K Việt Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/7/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà V trình bày:*

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B (sau đây gọi tắt là Công ty B hoặc nguyên đơn) và Công ty TNHH K Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty K hoặc bị đơn) ký kết hợp đồng dịch vụ số/No: HDDV-K-BĐ-2022 với hạng mục: Thi công cảnh quan & chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh. Giá trị gói thi công cảnh quan này là 203.175.000 đồng. Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Nội dung hợp đồng liệt kê cụ thể loại cây, số lượng và đơn giá; thời gian thực hiện; phương thức thanh toán; trách nhiệm của mỗi bên...Theo điều khoản của hợp đồng, Công ty K đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty B 30% giá trị hợp đồng sau khi ký kết với số tiền tương ứng là 65.828.700 đồng, số tiền này Công ty B đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, Công ty B tiến hành triển khai công việc trồng cây tại khuôn viên nhà xưởng của Công ty K. Đến ngày 26 tháng 12 năm 2022, công việc thi công cảnh quan hoàn thiện và Công ty B tiến hành chăm sóc. Đồng thời, ra thông báo yêu cầu Công ty K thanh toán tiền đợt 02 là 55% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền 120.685.950 đồng (đã bao gồm 8% VAT) cho Công ty B và Công ty B đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng ký hiệu 1C22TBD số 42 ngày 26/12/2022.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, Công ty B liên hệ với ông Thủy là Giám đốc Nhà máy của Công ty K về việc nghiệm thu và bàn giao. Cùng ngày Công ty K cử bà Huỳnh Xuân Thư là nhân viên của Công ty ra làm việc và ký xác nhận vào biên bản bàn giao. Ngày 07/02/2023, Công ty B tiếp tục gửi văn bản đề nghị Công ty K thanh toán tiền đợt 2 theo điều khoản thanh toán của hợp đồng nhưng Công ty K từ chối thanh toán với những lý do không có thoả thuận trong hợp đồng. Mặt khác, Công ty K còn rất nhiều lần gửi văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty B nhổ cây mang về. Do đó, Công ty B đã khởi kiện Công ty K đến Tòa án.

Mặc dù chưa nhận được tiền thanh toán từ phía Công K nhưng Công ty B vẫn cho công nhân của mình vào tưới và chăm sóc cây tại khuôn viên của Công ty K cho đến ngày 14 tháng 6 năm 2023 thì mới ngưng chăm sóc vì nhân viên bảo vệ của Công ty K ngăn cản không cho vào.

Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung thì nguyên đơn Công ty B có các yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 2 là 55% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền 120.685.950 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 8,1%/năm (tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 20/7/2023) là 5.115.431 đồng; tổng là 125.801.381 đồng.

2. Yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 3 là 10% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền 20.317.500 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 8,1%/năm (tính từ ngày 24/6/2023 đến ngày 20/7/2023) là 126.608 đồng; tổng là 20.444.108 đồng.

3. Yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 4 là 5% giá trị hợp đồng còn lại, tương ứng với số tiền 10.158.750 đồng.

4. Công ty K phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền chi phí chăm sóc tưới cây và vận chuyển nước là 57.280.000 đồng.

5. Yêu cầu Công ty K thanh toán phí chăm sóc bảo dưỡng cây xanh từ tháng 3, 4 và 5/2023 là 25.920.000 đồng (đã bao gồm VAT).

\* Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với tiền lãi chậm trả, chi phí chăm sóc tưới cây và vận chuyển nước và chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền như sau:

1. Yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 2 là 55% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền 120.685.950 đồng (theo hoá đơn giá trị gia tăng số 42, ký hiệu: 1C22TBD ngày 26/12/2022);

2. Yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 3 là 10% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền 20.317.500 đồng (chưa bao gồm VAT);

3. Do hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng nên yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 4 là 5% giá trị hợp đồng còn lại, tương ứng với số tiền 10.158.750 đồng (chưa bao gồm VAT).

4. Yêu cầu Công ty K thanh toán phí chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh của các tháng 3, 4 và 5/2023 là 24.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT).

Như vậy, tổng số tiền Công ty K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B là 175.162.200 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

\* Theo đơn phản tố ngày 25/7/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện bị đơn ông Mai Đăng Thủy trình bày:

Ông Mai Đăng Thủy thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa Công ty K và Công ty B có ký kết hợp đồng dịch vụ số/No: HDDV-K-BĐ-2022 với hạng mục: Thi công cảnh quan

& chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh. Giá trị gói thi công cảnh quan này là 203.175.000 đồng. Theo đó, Công ty K đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty B 30% giá trị của hợp đồng, tương ứng với số tiền 65.828.700 đồng và Công ty B đã xuất hoá đơn cho Công ty K.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, Công ty B tiến hành triển khai công việc trồng cây tại khuôn viên nhà xưởng của Công ty K. Đến ngày 26 tháng 12 năm 2022, Công ty B trồng xong.

Ngày 26/12/2022, Công ty B có văn bản đề nghị Công ty K thanh toán số tiền đợt 02 (55% của hợp đồng) là 111.746.250 đồng qua địa chỉ email giữa hai công ty. Ngày 09/01/2023, Công ty chúng tôi B phản hồi chưa đồng ý nghiệm thu.

Ngày 03/02/2023, Công ty K và Công ty B có thực hiện đếm số lượng cây đã trồng được thể hiện tại Biên bản bàn giao ngày 03/02/2023 giữa đại diện Công ty B là bà V và đại diện Công ty K là bà Huỳnh Xuân Thư (Nhân viên hành chính của Công ty). Số lượng các loại cây đều đủ theo như hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Ngày 07/02/2023, Công ty B tiếp tục có văn bản đề nghị Công ty K thanh toán số tiền đợt 02 (55% của hợp đồng) là 111.746.250 đồng qua địa chỉ email giữa hai công ty.

Tuy nhiên, do chất lượng cây trồng chưa phù hợp với bảng báo giá chi tiết và hình ảnh mô tả trong hợp đồng nên Công ty K không đồng ý nghiệm thu và Công ty K đã nhiều lần gửi thông báo qua địa chỉ email đến Công ty B yêu cầu đưa ra giải pháp cải thiện nhưng không đạt được như mong đợi nên Công ty K không đồng ý thanh toán tiền. Đồng thời, Công ty K cũng nhiều lần gửi Thông báo đến Công ty B đề nghị chấm dứt hợp đồng dịch vụ và yêu cầu Công ty B thu dọn cây trồng về để trả lại mặt bằng cho Công ty K. Công ty K thừa nhận từ ngày 14/6/2023 đến nay thì Công ty K chính thức không cho công nhân của Công ty B vào Công ty K để chăm sóc cây.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Đồng thời, bị đơn có đơn phản tố đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề như sau:

1. Tuyên chấm dứt Hợp đồng dịch vụ ngày 10/11/2022 giữa Công ty K và Công ty B.
2. Buộc Công ty B trả lại tiền cọc 65.828.700 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tính từ ngày 02/12/2022 đến 02/8/2023) là 4.388.580 đồng.
3. Buộc Công ty B phải trả chi phí thu dọn cây với số tiền 115.725.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty K yêu cầu Công ty B phải thanh toán là 185.942.280 đồng.

\* Tại phiên tòa, đại diện bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố đối với chi phí thu dọn cây với số tiền 115.725.000 đồng và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên chấm dứt hợp đồng dịch vụ ngày 10/11/2022 giữa Công ty K và Công ty B.

2. Buộc Công ty B trả lại tiền cọc 65.828.700 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tính từ ngày 02/12/2022 đến 02/8/2023) là 4.388.580 đồng. Tổng số tiền là 70.217.280 đồng.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 51/2023/KDTM-ST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với số tiền 5.212.039 đồng và chi phí chăm sóc tưới cây, vận chuyển nước với số tiền 57.280.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn thanh toán chi phí thu dọn cây với số tiền 115.725.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B đối với bị đơn Công ty TNHH K Việt Nam về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Buộc Công ty TNHH K Việt Nam có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B tổng số tiền 175.162.200 đồng.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số /No: HDDV-K-BĐ-2022 ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B và Công ty TNHH K Việt Nam.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH K Việt Nam về việc buộc nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B hoàn trả tiền cọc và lãi suất chậm trả với tổng số tiền 70.217.280 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 05/12/2023, Công ty TNHH K Việt Nam kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn

phải trả lại tiền cọc 65.828.700 đồng và tiền lãi suất chậm trả 10% của số tiền đặt cọc tạm tính từ ngày 02/12/2022 đến ngày 02/8/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 175.162.200 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các bên tranh chấp hợp đồng dịch vụ thi công cảnh quan, bị đơn có trụ sở và hợp đồng được thực hiện tại thành phố T nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 22/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án và ban hành Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 51/2023/KDTM-ST. Ngày 05/12/2023 bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đã thực hiện nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí nên việc kháng cáo là trong thời hạn luật định và hợp lệ.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chỉ xem xét các phần bị đơn kháng cáo; các phần khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị bao gồm:

*“1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với số tiền 5.212.039 đồng (năm triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm ba mươi chín đồng) và chi phí chăm sóc tưới cây, vận chuyển nước với số tiền 57.280.000 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).*

2. *Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn thanh toán chi phí thu dọn cây với số tiền 115.725.000 đồng (một trăm mười lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) ”.*

[2] Về nội dung quan hệ tranh chấp:

[2.1] Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ số/No: HDDV-K-BĐ-2022 ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B và Công ty TNHH K Việt Nam về việc Công ty B: (1) thi công cảnh quan và chăm sóc, bảo dưỡng cây tại Công ty K với giá dịch vụ thi công cảnh quan là 203.175.000 đồng, thanh toán theo đợt thực hiện trong 01 tháng; (2) chăm sóc, bảo dưỡng cây là 8.000.000 đồng/ tháng, thanh toán theo tháng sau khi hoàn thành dịch vụ, thời gian thực hiện 12 tháng bắt đầu từ tháng thứ 3 sau khi nghiệm thu và bàn giao gói thi công cảnh quan. Đính kèm hợp đồng có bảng sơ đồ vị trí trồng cây, liệt kê chủng loại, số lượng cây và hình vẽ 3D mô tả.

Các đương sự đều thừa nhận: bị đơn đã đặt cọc số tiền 65.828.700 đồng, ngày 26/12/2022 Công ty B đã trồng xong cây, ngày 03/02/2023 đại diện hai bên có tiến hành đếm cây và ký biên bản bàn giao. Bị đơn thừa nhận số lượng cây và chủng loại cây nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng nhưng về chất lượng không đạt nên bị đơn có yêu cầu nguyên đơn trồng lại. Nguyên đơn đã thực hiện trồng lại cây bàng và cây nguyệt quế theo yêu cầu của bị đơn. Do bị đơn nhận thấy cây trồng không giống hình ảnh 3D đính kèm hợp đồng nên không đồng ý thanh toán cho tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã chăm sóc cây đến ngày 14/6/2023. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét Hợp đồng dịch vụ ngày 10/11/2022 quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ bao gồm: thi công theo bản vẽ đính kèm, cung cấp cây, trồng cây, tưới nước, chăm sóc cây đảm bảo cây xanh tốt, gọn gàng, sạch đẹp, ra hoa, tía cành, uốn tạo dáng, cắt xén nhỏ cỏ, kiểm tra sâu bệnh, bảo hành cây sống trong vòng 01 năm sau khi trồng, cây chết phải thay thế cây mới.

Căn cứ chứng cứ các bên cung cấp và thừa nhận của các bên về quá trình thực hiện hợp đồng nhận thấy nguyên đơn (bên cung ứng dịch vụ) đã thực hiện đúng hợp đồng về số lượng và đảm bảo chất lượng cây trồng sống sau thời gian trồng theo quy định tại Điều 79 Luật Thương mại quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo kết quả công việc: *“Trừ trường hợp có thoả thuận khác, nếu tính chất của loại dịch vụ được cung ứng yêu cầu bên cung ứng dịch vụ phải đạt được một kết quả nhất định thì bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện việc cung ứng dịch vụ với kết quả phù hợp với các điều khoản và mục đích của hợp đồng. Trong trường hợp hợp đồng không có quy định cụ thể về tiêu chuẩn kết quả cần đạt được, bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện việc cung ứng dịch vụ với kết quả phù hợp với tiêu chuẩn thông thường của loại dịch vụ đó”*. Dịch vụ nguyên đơn cung cấp đã được hoàn thành theo thời gian quy định của hợp đồng và phù hợp Điều 82 Luật Thương mại về thời gian hoàn thành dịch vụ.

Khi bị đơn cho rằng cây trồng không đạt và yêu cầu nguyên đơn thay đổi một số cây trồng thì nguyên đơn cũng đã đáp ứng yêu cầu của bị đơn, trồng lại cây bàng và cây nguyệt quế với kích thước lớn hơn phù hợp quy định tại Điều 83 Luật Thương mại quy định về “Yêu cầu của khách hàng liên quan đến những thay đổi trong quá trình cung ứng dịch vụ”.

[2.3] Dẫn chiếu các quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng dịch vụ:

Điều 519 về Trả tiền dịch vụ quy định:

*“1. Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận.*

*2. Khi giao kết hợp đồng, nếu không có thỏa thuận về giá dịch vụ, phương pháp xác định giá dịch vụ và không có bất kỳ chỉ dẫn nào khác về giá dịch vụ thì giá dịch vụ được xác định căn cứ vào giá thị trường của dịch vụ cùng loại tại thời điểm và địa điểm giao kết hợp đồng.*

*3. Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ tại địa điểm thực hiện công việc khi hoàn thành dịch vụ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*4. Trường hợp dịch vụ được cung ứng không đạt được như thỏa thuận hoặc công việc không được hoàn thành đúng thời hạn thì bên sử dụng dịch vụ có quyền giảm tiền dịch vụ và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.*

Điều 520 về Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ quy định:

*“1. Trường hợp việc tiếp tục thực hiện công việc không có lợi cho bên sử dụng dịch vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nhưng phải báo cho bên cung ứng dịch vụ biết trước một thời gian hợp lý; bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bên cung ứng dịch vụ đã thực hiện và bồi thường thiệt hại”.*

Đối chiếu các quy định nêu trên thấy rằng, trong trường hợp chất lượng cây trồng và bảo dưỡng của nguyên đơn không đạt yêu cầu, bị đơn có quyền giảm tiền dịch vụ và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc trường hợp việc tiếp tục thực hiện công việc không có lợi cho bị đơn thì bị đơn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 520 Bộ luật Dân sự nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc bên bị đơn được miễn nghĩa vụ thanh toán phần dịch vụ nguyên đơn đã thực hiện.

Việc bị đơn từ chối thanh toán dịch vụ cho nguyên đơn với lý do hình ảnh cây trồng không đúng hình ảnh 3D đính kèm hợp đồng tại thời điểm cây mới được trồng là không có căn cứ, không phù hợp vì dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh có tính đặc thù phải trải qua một thời gian chăm sóc bảo dưỡng nhất định mới có thể đạt chất lượng như yêu cầu. Vì vậy, Công ty K- Chem có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 85, 86 và 87 Luật Thương mại (và cũng phù hợp với các quy định tại các Điều 513, 515, 516, 517, 518 và Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng dịch vụ).

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng, hình ảnh các bên cung cấp, các trao đổi qua lại giữa các bên và quy định



của pháp luật về hợp đồng dịch vụ để giải quyết không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền dịch vụ còn thiếu của đợt 2: 120.685.950 đồng, đợt 3: 20.317.500 đồng, đợt 4: 10.158.750 đồng và tiền chi phí chăm sóc, bảo dưỡng tháng 3, 4, 5 năm 2023: 24.000.000 đồng; tổng cộng: 175.162.200 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí phúc thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 254, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 284, Điều 293, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Áp dụng các Điều 78, 82, 85, 86 và Điều 87 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng các Điều 513, 515, 516, 517, 518 và Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH K Việt Nam; Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 51/2023/KDTM-ST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B đối với bị đơn Công ty TNHH K Việt Nam về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Buộc Công ty TNHH K Việt Nam có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B tổng số tiền 175.162.200 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số/No: HDDV-K-BĐ-2022 ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B và Công ty TNHH K Việt Nam.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH K Việt Nam về việc buộc nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B hoàn trả tiền cọc và lãi suất chậm trả với tổng số tiền 70.217.280 đồng (bảy mươi triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm tám mươi đồng).

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty TNHH K Việt Nam phải chịu 12.269.000 đồng (mười hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền 4.649.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0008004 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Công ty TNHH K Việt Nam phải nộp thêm 7.620.000 đồng (bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ B không phải chịu, được trả lại tổng số tiền 6.407.000 đồng (sáu triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007671 ngày 17/5/2023 và số AA/2021/0007995 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Các phần của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật bao gồm:

*“1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với số tiền 5.212.039 đồng (năm triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm ba mươi chín đồng) và chi phí chăm sóc tưới cây, vận chuyển nước với số tiền 57.280.000 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).*

*2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn thanh toán chi phí thu dọn cây với số tiền 115.725.000 đồng (một trăm mười lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)”.*

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001782 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Đặng Văn Chum**